

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2026/DS-ST.

Ngày: 21-7-2026.

V/v: “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Minh Nghĩa.

+ Ông Nguyễn Văn Hết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp quyền về lối đi qua*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 265/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Văn T** - Sinh năm: 1954; địa chỉ: Số F, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh N** - Sinh năm: 1990; địa chỉ: Số B, ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Dương Văn H** - Sinh năm: 1959; địa chỉ: Số H, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long, ông H có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Bà **Đỗ Thị H1** - Sinh năm: 1954; địa chỉ: Số F, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long, bà H1 vắng mặt).

2) Chị **Dương Thị T1** - Sinh năm: 1988; địa chỉ: Số F, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long, chị T1 vắng mặt).

3) Bà **Lê Thị H2** - Sinh năm: 1962; địa chỉ: Số H, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long, bà H2 vắng mặt).

4) Anh **Dương Quốc K** - Sinh năm: 1987; địa chỉ: Số H, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long, anh K vắng mặt).

5) Anh **Dương Quốc P** - Sinh năm: 1981; địa chỉ: Số H, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long, anh P vắng mặt).

6) Anh **Dương Quốc C** - Sinh năm: 1999; cùng địa chỉ: Số H, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông T đang sử dụng phần đất thuộc thửa 124 tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là thửa đất số 124, tờ bản đồ số 84, tọa lạc tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long). Phần đất này nằm phía bên trong phần đất thuộc thửa đất 155, tờ bản đồ số 23 (nay là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 84, tọa lạc tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long) của hộ ông Dương Văn H. Để đi ra lộ công cộng thì gia đình ông T phải đi qua phần đất thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 84 của hộ ông Dương Văn H nhưng ông H đã rào ngang qua phần đất bít hết lối đi. Vì vậy, trước đây, ông T có đi nhờ trên phần đất giáp ranh của ông Lê Văn B nhưng hiện nay ông B đã xây dựng nhà kiên cố trên đất của ông B tại vị trí mà trước đó gia đình ông T đi nhờ nên ông T không còn đường đi để đi ra lộ công cộng.

Ông T yêu cầu ông H, bà H2, anh K, anh P, anh C mở lối đi có diện tích là 24m² (hai mươi bốn mét vuông) thuộc một phần của thửa đất số 155, tờ bản đồ số 84, tọa lạc tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu ông H, bà H2, anh K, anh P, anh C di dời hàng rào lưới B40 để mở lối đi như đã yêu cầu. Theo họa đồ thửa đất ngày 21/4/2026 thì phần lối đi mà ông T có yêu cầu là thửa đất số 155B, tờ bản đồ số 84.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Dương Văn H trình bày:

Ông đang sử dụng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 23 (nay là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 84), tọa lạc tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long. Trước đây giữa ông với ông T là không có thỏa thuận gì về việc mở lối đi trên đất của ông vì trước đây ông T đi trên đất của người khác (đất của ông B) để đi ra lộ công cộng. Hiện nay phía ông B đã cất nhà nên ông T không đi trên đất của ông B để ra lộ công cộng được.

Phần đất của ông H là giáp lộ, ông H dự định cho con của ông làm tiệm sửa xe. Hiện nay thì ông đã rào lại phần đất phía ngoài phần đất của ông T bằng lưới B40. Việc ông T yêu cầu mở lối đi thì ông không đồng ý, ông không bán đất, không đồng ý mở lối đi cho ông T; ông chỉ đồng ý đổi đất với ông T để ông T làm lối đi vì hai thửa đất giáp ranh nhau; ông sẽ giao cho ông T phần đất của ông là thửa 155B có diện tích 24,0m² (theo Hợp đồng thừa đất ngày 21/4/2026) đồng thời yêu cầu ông T phải giao lại cho ông phần đất thuộc thửa 124B có diện tích 792,2m² (theo Hợp đồng thừa đất ngày 21/4/2026). Bởi vì phần đất của ông nằm phía bên ngoài, giáp lộ có giá trị cao hơn so với phần đất của ông T nằm phía bên trong và không có đường đi.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1, chị T1, bà H2, anh K, anh P, anh C không có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông T yêu cầu ông H, bà H2, anh K, anh P, anh C mở lối đi là thửa đất số 155B, tờ bản đồ số 84, có diện tích là 24m² (hai mươi bốn mét vuông), cao 3,0m (ba mét) thuộc một phần của thửa đất số 155, tờ bản đồ số 84 và yêu cầu ông H, bà H2, anh K, anh P, anh C di dời hàng rào lưới B40 để mở lối đi như đã yêu cầu. Ông T bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho việc mở lối đi theo mức giá mà Hội đồng định giá đã định giá.

Bị đơn trình bày: Ông không đồng ý mở lối đi cho ông T; ông chỉ đồng ý đổi đất với ông T, ông sẽ giao cho ông T phần đất của ông là thửa 155B có diện tích 24,0m² (theo Hợp đồng thừa đất ngày 21/4/2026) đồng thời yêu cầu ông T phải giao lại cho ông phần đất thuộc thửa 124B có diện tích 792,2m² (theo Hợp đồng thừa đất ngày 21/4/2026). Bởi vì phần đất của ông nằm phía bên ngoài, giáp lộ có giá trị cao hơn so với phần đất của ông T nằm phía bên trong và không có đường đi.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1, chị T1, bà H2, anh K, anh P, anh C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về căn cứ pháp luật được áp dụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 21, 26, 35, 39, 58, 143, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 248, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Dương Văn H, bà Lê Thị H2, anh Dương Quốc K, anh Dương Quốc P, anh Dương Quốc C phải mở lối đi cho

ông Dương Văn T là một phần của thửa 155B, lối đi có chiều rộng là 1,5m; chiều cao là 3,0m; chiều dài là 8,2m và 8,33m. Buộc ông T bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông H, bà H2, anh K, anh P, anh C đối với phần diện tích đất mở lối đi theo Hội đồng định giá đã định giá là 430.000VNĐ/m² (bốn trăm ba mươi ngàn đồng trên một mét vuông).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp quyền về lối đi qua đối với phần đất tọa lạc tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1, chị T1, bà H2, anh K, anh P, anh C vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 15/5/2026; đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà H1, chị T1, bà H2, anh K, anh P, anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H1, chị T1, bà H2, anh K, anh P, anh C theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Kết quả của việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản xác định được:

[3.1] Hiện nay, phần đất ông T đang sử dụng (thửa 124) là nằm phía bên trong phần đất thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 84 của hộ ông Dương Văn H.

[3.2] Phần lối đi mà ông T yêu cầu mở có diện tích là 24,0m² thuộc thửa đất số 155B, tờ bản đồ số 84 theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 21/4/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai khu vực 26, tỉnh Vĩnh Long. Trên phần đất thuộc thửa đất số 155B, ông H có kéo rào lưới B40; giá trị quyền sử dụng đất của phần đất có yêu cầu mở lối đi là 430.000VNĐ/m² (bốn trăm ba mươi ngàn đồng trên một mét vuông).

[3.3] Ông H không đồng ý mở lối đi cho ông T; ông chỉ đồng ý đổi đất với ông T để ông T làm lối đi vì hai thửa đất giáp ranh nhau; phần đất mà ông H đồng ý giao cho ông T để làm lối đi là thửa đất số 155B có diện tích 24,0m²; phần đất ông H yêu cầu ông T phải giao lại (đổi lại) cho ông là thửa đất số 124B có diện tích 792,2m²; phần đất thuộc thửa đất số 124 có giá trị quyền sử dụng đất là 290.000VNĐ/m² (hai trăm chín mươi ngàn đồng trên một mét vuông).

[3.4] Phần đất của ông B (thửa 192) mà trước đây ông T có sử dụng một phần để đi nhờ thì ông B đã xây nhà kiên cố (nhà tường) trên đất.

[4] Trước khi phát sinh tranh chấp, giữa ông T và ông H hoàn toàn không có thỏa thuận gì về việc đổi quyền sử dụng đất. Tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi. Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Phần đất thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 84 của ông T là nằm trong phần đất của hộ ông Dương Văn H (thửa 155, tờ bản đồ số 84). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không phản đối đối với phần diện tích, vị trí lối đi mà ông T có yêu cầu, ông H cũng chấp nhận giao cho ông T phần đất mà ông T có yêu cầu mở lối đi nhưng yêu cầu ông T phải giao lại (đổi đất) cho ông H phần đất tại thửa 124B, vị trí lối đi mà ông T có yêu cầu là nằm ở phần đất của hộ ông H giáp ranh với đất của ông B, việc mở lối đi tại vị trí này là thuận tiện và hợp lý nhất, ít gây ảnh hưởng nhất đến việc sử dụng đất của hộ ông Dương Văn H nên chấp nhận yêu cầu về việc mở lối đi của ông Dương Văn T tại thửa đất số 155B.

[5] Về bồi thường thiệt hại cho việc mở lối đi: Ông T phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho việc mở lối đi được tính như sau: $24,0m^2 \times 430.000VNĐ/m^2 = 10.320.000VNĐ$ (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Đối với phần hàng rào lưới B40 tại vị trí mở lối đi, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không yêu cầu bồi thường đối với phần hàng rào tại vị trí ông T yêu cầu mở lối đi, phần hàng rào này có thể di dời được nên ông T không phải bồi thường đối với phần hàng rào tại vị trí mở lối đi.

[6] Về xử lý tiền tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản là: 4.057.200VNĐ (bốn triệu không trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm đồng) nguyên đơn đã nộp đủ. Xét thấy, mặc dù yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nhưng quyền sử dụng đất là của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong khi đó đương sự có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở, hợp pháp nên nguyên đơn phải chịu 1/2 chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản là 2.028.600VNĐ (hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm đồng), bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà H2, anh K, anh P, anh C) chịu 1/2

chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản là 2.028.600VNĐ (hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm đồng); do nguyên đơn đã nộp đủ số tiền là 4.057.200VNĐ (bốn triệu không trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm đồng) nên ông H, bà H2, anh K, anh P, anh C có nghĩa vụ giao trả lại cho nguyên đơn số tiền là 2.028.600VNĐ (hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long về chiều rộng của lối đi là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông H, bà H2, anh K, anh P, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng); ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên ông T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường thiệt hại cho việc mở lối đi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 245, 254, 288, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 29, 133 của Luật Đất đai năm 2024; các điều 5, 147, 157, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 12, 15, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. T2:

1/ Buộc ông Dương Văn H, bà Lê Thị H2, anh Dương Quốc K, anh Dương Quốc P, anh Dương Quốc C phải mở cho ông Dương Văn T một lối đi trên phần đất thuộc thửa đất số 155B, tờ bản đồ số 84 có diện tích là 24,0m² (hai mươi bốn phẩy không mét vuông) theo Hợp đồng thừa đất ngày 21/4/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Vĩnh Long (có hợp đồng kèm theo bản án); ông Dương Văn T được quyền cải tạo, sửa chữa, tu bổ trong phạm vi phần đất được mở lối đi để đảm bảo cho việc đi lại. Buộc ông Dương Văn H, bà Lê Thị H2, anh Dương Quốc K, anh Dương Quốc P, anh Dương Quốc C có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ để di dời một phần hàng rào lưới B40 để mở cho ông T lối đi như đã nêu trên.

2/ Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với hộ ông Dương Văn H đối với phần đất mở lối đi thuộc thửa đất số 155B, tờ bản đồ số 84, theo Hợp đồng thừa đất ngày 21/4/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai khu vực 26, tỉnh Vĩnh Long. Nguyên đơn được quyền sử dụng hạn chế phần lối đi mà hộ ông Dương Văn H có quyền sử dụng đất và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá

trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Các bên được quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3/ Buộc ông Dương Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về việc mở lối đi cho ông Dương Văn H, bà Lê Thị H2, anh Dương Quốc K, anh Dương Quốc P, anh Dương Quốc C với số tiền là: 10.320.000VNĐ (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

4/ Về xử lý tiền tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản:

4.1) Ông Dương Văn T phải chịu 2.028.600VNĐ (hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm đồng) tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản, số tiền này ông T đã nộp đủ.

4.2) Buộc ông Dương Văn H, bà Lê Thị H2, anh Dương Quốc K, anh Dương Quốc P, anh Dương Quốc C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông Dương Văn T 1/2 chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản với số tiền là 2.028.600VNĐ (hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1) Ông Dương Văn T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5.2) Buộc ông Dương Văn H, bà Lê Thị H2, anh Dương Quốc K, anh Dương Quốc P, anh Dương Quốc C có nghĩa vụ liên đới nộp 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

6/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông T, ông H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên